Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-06-16 07:31:02 +07:00

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20/2026/TT-BXD	*Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về:

a) Hoạt động của tàu thuyền tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu;

b) Hoạt động của phương tiện thủy nội địa (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB) tại cảng biển;

c) Hoạt động của cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu;

d) Hoạt động liên quan đến việc bảo đảm an ninh tại cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

đ) Hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa.

2. Tàu thuyền làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và tàu thuyền hoạt động tại cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động của tàu thuyền tại cảng biển, cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu (sau đây gọi chung là cảng); hoạt động của chủ cảng thủy nội địa, bến thủy

nội địa, khu neo đậu; hoạt động bảo đảm an ninh tại cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài; hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tàu thuyền bao gồm: phương tiện thủy nội địa, tàu biển, thủy phi cơ, phương tiện thủy nước ngoài.

2. Chủ cảng là tổ chức, cá nhân sở hữu công trình cảng và được giao sử dụng vùng đất, vùng nước của cảng.

3. Người quản lý khai thác cảng là chủ cảng trực tiếp khai thác cảng hoặc tổ chức, cá nhân thuê cảng để khai thác hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền quản lý khai thác.

4. Người làm thủ tục cho tàu thuyền vào, rời cảng là chủ tàu thuyền hoặc người quản lý khai thác tàu thuyền hoặc người được ủy quyền làm thủ tục vào, rời cảng (sau đây gọi là người làm thủ tục).

5. Phương tiện thủy nước ngoài là phương tiện thủy mang cờ quốc tịch nước ngoài.

6. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông vận tải gồm: Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Sở Xây dựng hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ (sau đây gọi chung là Cảng vụ).

7. Giấy phép rời cảng là văn bản do Cảng vụ hoặc cơ quan có thẩm quyền nơi tàu thuyền rời cảng cuối cùng cấp hoặc xác nhận.

Chương II
THỦ TỤC CHO TÀU THUYỀN VÀO, RỜI CẢNG

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Tàu thuyền vào, rời cảng phải làm thủ tục và nộp phí, lệ phí, trừ trường hợp được miễn theo quy định.

2. Thủ tục cho phương tiện thủy nước ngoài, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB (không bao gồm phương tiện vận tải thủy qua biên giới Việt Nam, Campuchia nhập cảnh, xuất cảnh), thủy phi cơ vào, rời cảng thực hiện theo quy định của pháp luật hàng hải.

Phương tiện vận tải thủy qua biên giới Việt Nam, Campuchia mang cấp VR-SB khi làm thủ tục vào, rời cảng phải xuất trình Giấy phép vận tải thủy qua biên giới do cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp chưa có cơ sở dữ liệu điện tử.

3. Tàu thuyền được cấp phép rời cảng nhưng vẫn chưa rời cảng trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm được phép rời cảng thì phải làm lại thủ tục rời cảng theo quy định.

Điều 5. Hình thức, địa điểm làm thủ tục

1. Hình thức làm thủ tục: thực hiện trực tiếp hoặc thực hiện thủ tục điện tử trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Đối với trường hợp được miễn thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này:

a) Chậm nhất là 02 giờ trước khi tàu thuyền vào, rời cảng, người làm thủ tục thông báo tàu thuyền đến, rời cảng bằng tin nhắn, điện thoại hoặc hình thức khác tới chủ cảng. Nội dung thông báo gồm: số đăng ký; vị trí đến (tên tàu thuyền đối với trường hợp tàu thuyền cập mạn; tên cảng đối với trường hợp phương tiện vào cảng); thời gian vào, rời cảng; danh sách thuyền viên, người lái; danh sách hành khách (đối với tàu thuyền chở khách và kèm danh sách hành khách); thông tin hàng hóa (khối lượng và chủng loại hàng hóa đối với tàu thuyền chở hàng);

b) Chậm nhất là 01 giờ trước khi tàu thuyền vào, rời cảng, chủ cảng có trách nhiệm gửi kế hoạch hoạt động của tàu thuyền đến các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để theo dõi, kiểm tra thông qua Hệ thống tiếp nhận thông tin vào, rời cảng của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam. Trường hợp có thay đổi, phải kịp thời cập nhật thông tin thay đổi trên hệ thống. Trường hợp không thực hiện được trên hệ thống, việc gửi kế hoạch có thể thực hiện thông qua các hình thức khác và phải được bổ sung trên hệ thống ngay khi điều kiện kỹ thuật cho phép.

3. Địa điểm làm thủ tục bằng hình thức trực tiếp: tại văn phòng của Cảng vụ hoặc tại cảng; trường hợp tàu thuyền đến từ khu vực có dịch bệnh liên quan đến người, động vật, thực vật thì có thể thực hiện trên tàu thuyền.

4. Quy trình thủ tục điện tử trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng thông tin một cửa quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

a) Hồ sơ thủ tục cho tàu thuyền vào, rời cảng là bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy;

b) Trường hợp các thành phần hồ sơ thủ tục đã có cơ sở dữ liệu điện tử, người làm thủ tục không phải xuất trình các thành phần hồ sơ thủ tục bằng văn bản giấy;

c) Trường hợp người làm thủ tục thực hiện thông qua phương thức điện tử, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử; trường hợp người làm thủ tục có yêu cầu nhận bản giấy thì Cảng vụ có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

Điều 6. Các trường hợp miễn thủ tục vào, rời cảng

1. Phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SI, VR-SII, VR-SIII.

2. Các trường hợp khác:

a) Tàu thuyền chữa cháy; tàu thuyền tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; tàu thuyền hộ đê; tàu thuyền tránh trú bão, lũ;

b) Tàu thuyền của cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang đang làm nhiệm vụ; tàu thuyền, đoàn tàu thuyền có Công an hộ tống hoặc dẫn đường;

c) Tàu thuyền chuyên dùng của đơn vị quản lý chuyên ngành đường thủy nội địa;

d) Tàu thuyền đưa, đón hoa tiêu, tàu cá;

đ) Tàu thuyền (tender) chuyển tải hành khách, hàng hóa từ phương tiện, tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài (tàu mẹ) vào cảng và ngược lại; trong trường hợp này, tàu mẹ phải được làm thủ tục như thủ tục vào, rời cảng. Trước khi vào cảng, thuyền trưởng, người lái phương tiện (tàu mẹ) phải thông báo kế hoạch chuyển tải hành khách (số lượng chuyến, số lượng hành khách mỗi chuyến, phương tiện chuyển tải) cho Cảng vụ biết;

e) Tàu thuyền chở người, vật tư, thiết bị đến và rời khu vực nuôi, trồng thủy sản, hải sản, xây dựng thi công công trình trên sông, hồ, đầm, phá, vụng, vịnh và trên biển;

g) Tàu thuyền vào, rời cảng để cấp cứu người bệnh, thực hiện tình huống khẩn cấp;

h) Phương tiện thô sơ không kinh doanh vận tải;

i) Tàu thuyền vận tải hàng hóa (trừ hàng hóa nguy hiểm) có trọng tải toàn phần dưới 10 tấn;

k) Tàu thuyền vào, rời cảng để tiếp nhận nhiên liệu, lương thực, thực phẩm.

Điều 7. Kiểm tra hoạt động tàu thuyền tại cảng của Cảng vụ

1. Tàu thuyền vào, rời cảng phải chịu sự kiểm tra của Cảng vụ tại cảng theo hình thức: kiểm tra thường xuyên, kiểm tra đột xuất và kiểm tra theo kế hoạch, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

2. Kiểm tra thường xuyên là hình thức kiểm tra được thực hiện trên cơ sở quản lý rủi ro và nguồn lực thực hiện kiểm tra của Cảng vụ. Các tiêu chí đánh giá quản lý rủi ro gồm: công dụng, tuổi tàu thuyền, lịch sử kiểm tra an toàn và bảo vệ môi trường của tàu thuyền, lịch sử vi phạm hành chính của tàu thuyền.

3. Kiểm tra đột xuất là hình thức kiểm tra được thực hiện trên cơ sở quản lý rủi ro đối với tàu thuyền có dấu hiệu vi phạm hoặc tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn. Cảng vụ thực hiện kiểm tra đột xuất trong các trường hợp sau:

a) Có thông tin, báo cáo, phản ánh về dấu hiệu vi phạm pháp luật;

b) Có nguy cơ mất an toàn giao thông, an ninh hoặc gây ô nhiễm môi trường;

c) Tàu thuyền có lịch sử vi phạm hoặc không chấp hành quy định của pháp luật;

d) Theo yêu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước hoặc theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

4. Kiểm tra theo kế hoạch: thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

5. Việc kiểm tra hoạt động của tàu thuyền tại cảng tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của tàu thuyền theo quy định;

b) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của tàu thuyền, thuyền viên, người lái phương tiện theo quy định của pháp luật;

c) Việc chấp hành quy định về an toàn, an ninh tại cảng (đối với cảng có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài);

d) Việc xếp dỡ hàng hóa, bố trí hành khách;

đ) Việc thực hiện các quy định về phòng, chống cháy, nổ, phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

e) Hoạt động khai thác của cảng;

g) Các nội dung khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

6. Người kiểm tra phải lập biên bản kiểm tra; biên bản kiểm tra là căn cứ chứng minh tàu thuyền đã được kiểm tra theo quy định.

Mục 2
THỦ TỤC NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH TẠI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI THỦY QUA BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA

Điều 8. Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam

1. Các giấy tờ phải nộp (mỗi loại 01 bản chính hoặc bản điện tử):

a) Nộp cho Cảng vụ: Bản khai chung theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Danh sách thuyền viên theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Danh sách hành khách theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bản khai hàng hóa theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Giấy phép rời cảng thủy nội địa theo quy định;

b) Nộp cho Cơ quan Hải quan: Bản khai chung theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Danh sách thuyền viên theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Danh sách hành khách theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bản khai hàng hóa theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Nộp cho Biên phòng hoặc Công an cửa khẩu: Bản khai chung theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Danh sách thuyền viên theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Danh sách hành

khách theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bản khai vũ khí và vật liệu nổ (nếu có) theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bản khai người trốn trên tàu (nếu có) theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Nộp cho cơ quan kiểm dịch thực vật: Bản khai kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Nộp cho cơ quan kiểm dịch động vật: Bản khai kiểm dịch động vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các giấy tờ phải xuất trình:

a) Giấy tờ xuất trình cho Cảng vụ gồm: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện; giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức tín dụng trong trường hợp phương tiện đang cầm cố, thế chấp); giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện; bản sao giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự (đối với phương tiện thuộc diện bắt buộc phải có bảo hiểm trách nhiệm dân sự); Giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia trong trường hợp chưa có cơ sở dữ liệu điện tử;

b) Giấy tờ xuất trình cho Cơ quan Hải quan: Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện;

c) Giấy tờ xuất trình cho Biên phòng hoặc Công an cửa khẩu: Hộ chiếu;

d) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch thực vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật);

đ) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch động vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật của nước xuất hàng (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật);

e) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch y tế: Giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế của thuyền viên, người lái phương tiện, hành khách (trong trường hợp xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc bị nghi ngờ mắc bệnh hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm).

3. Trình tự thực hiện

a) Trường hợp thực hiện trực tiếp tại địa điểm làm thủ tục, người làm thủ tục nộp, xuất trình giấy tờ cho cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Các cơ quan có thẩm quyền phải trả giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này cho người làm thủ tục ngay sau khi kiểm tra, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Trường hợp làm thủ tục điện tử, chậm nhất 02 giờ, trước khi phương tiện dự kiến đến cửa khẩu, người làm thủ tục phải khai báo giấy tờ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này theo phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

c) Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành việc nộp, xuất trình hoặc khai báo điện tử đầy đủ các giấy tờ theo quy định, trên cơ sở thông báo kết quả giải quyết thủ tục theo chuyên ngành của các cơ quan liên quan, Cảng vụ thông báo cho phương tiện vào cảng.

4. Kiểm tra các loại giấy tờ liên quan đến phương tiện và thuyền viên trong trường hợp làm thủ tục điện tử

a) Cảng vụ kiểm tra các thông tin khai báo, tra cứu dữ liệu phương tiện, thuyền viên Việt Nam trên cơ sở dữ liệu điện tử của các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết thủ tục cấp giấy phép cho phương tiện vào cảng thủy nội địa;

b) Cảng vụ chỉ yêu cầu người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ trong trường hợp cơ sở dữ liệu điện tử không có thông tin của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện hoặc không đủ dữ liệu điện tử để kiểm tra, đối chiếu hoặc không bảo đảm điều kiện của chứng từ điện tử;

c) Thời hạn xuất trình các giấy tờ không có trong cơ sở dữ liệu: chậm nhất 02 giờ, kể từ khi phương tiện đã neo đậu tại cầu cảng hoặc 04 giờ, kể từ khi phương tiện đã neo đậu tại vị trí khác trong vùng nước cảng.

5. Trách nhiệm làm thủ tục

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan thực hiện kiểm tra và chịu trách nhiệm đối với kết quả kiểm tra các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Cảng vụ căn cứ thông tin tàu thuyền và kết quả giải quyết thủ tục của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác để quyết định giải quyết thủ tục nhập cảnh vào cảng.

Điều 9. Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam

1. Các giấy tờ phải nộp (mỗi loại 01 bản chính hoặc bản điện tử):

a) Nộp cho Cảng vụ: Bản khai chung theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Danh sách thuyền viên theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Danh sách hành khách theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bản khai hàng hóa theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Nộp cho Cơ quan Hải quan: Bản khai chung theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Danh sách thuyền viên theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Danh sách hành khách theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bản khai hàng hóa theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Nộp cho Biên phòng hoặc Công an cửa khẩu: Bản khai chung theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Danh sách thuyền viên theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Danh sách hành khách theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bản khai vũ khí và vật liệu nổ (nếu có) theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Bản khai người trốn trên tàu (nếu có) theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Nộp cho cơ quan kiểm dịch thực vật: Bản khai kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Nộp cho cơ quan kiểm dịch động vật: Bản khai kiểm dịch động vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các giấy tờ phải xuất trình:

a) Giấy tờ xuất trình Cảng vụ: Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện; giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện; giấy tờ liên quan tới những thay đổi so với giấy tờ khi làm thủ tục cho tàu thuyền vào cảng;

b) Giấy tờ xuất trình cho Cơ quan Hải quan: Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện;

c) Giấy tờ xuất trình cho Biên phòng hoặc Công an cửa khẩu: Hộ chiếu;

d) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch thực vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật);

đ) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch động vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật của nước xuất hàng (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật);

e) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch y tế: Giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế của thuyền viên, người lái phương tiện, hành khách (trong trường hợp xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc bị nghi ngờ mắc bệnh hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm).

3. Trình tự thực hiện

a) Trường hợp thực hiện trực tiếp tại địa điểm làm thủ tục, người làm thủ tục nộp, xuất trình giấy tờ cho cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Các cơ quan có thẩm quyền phải trả giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này cho người làm thủ tục ngay sau khi kiểm tra, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Trường hợp làm thủ tục điện tử, chậm nhất 02 giờ, trước khi phương tiện dự kiến đến cửa khẩu, người làm thủ tục phải khai báo giấy tờ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này theo phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

c) Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành việc nộp, xuất trình hoặc khai báo điện tử đầy đủ các giấy tờ theo quy định, trên cơ sở thông báo kết quả giải quyết thủ tục theo chuyên ngành của các cơ quan liên quan, Cảng vụ cấp Giấy phép cho phương tiện rời cảng bản giấy hoặc bản điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Khi phương tiện đến cửa khẩu phải xuất trình các loại giấy tờ đã làm thủ tục xuất cảnh tại cảng xuất cảnh cho các cơ quan quản lý nhà nước tại cửa khẩu kiểm tra trước khi phương tiện rời khỏi lãnh thổ Việt Nam;

đ) Trường hợp phương tiện không thể xuất cảnh đi Campuchia theo kế hoạch, người làm thủ tục phải thông báo và nộp lại các loại giấy tờ đã làm thủ tục xuất cảnh tại cửa khẩu cảng xuất cảnh để hủy hồ sơ xuất cảnh.

4. Trách nhiệm làm thủ tục

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan thực hiện kiểm tra và chịu trách nhiệm đối với kết quả kiểm tra các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Cảng vụ căn cứ thông tin tàu thuyền và kết quả giải quyết thủ tục của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác để quyết định giải quyết thủ tục xuất cảnh rời cảng.

Chương III
BẢO ĐẢM AN NINH TẠI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Bảo đảm an ninh tại cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

1. Bảo đảm an ninh tại cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài là việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn cho người, phương tiện, công trình tại cảng thông qua việc tổ chức đánh giá an ninh, xây dựng Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (sau đây gọi là Kế hoạch an ninh) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

2. Bảo đảm an ninh cảng thủy nội địa áp dụng đối với phương tiện thủy nước ngoài có tổng dung tích từ 500 GT trở lên hoạt động tuyến quốc tế.

3. An ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài phân thành 03 cấp độ:

a) Cấp độ an ninh 1 là cấp độ mà các biện pháp bảo vệ an ninh thích hợp phải được duy trì liên tục;

b) Cấp độ an ninh 2 là cấp độ mà các biện pháp bảo vệ an ninh bổ sung phải được duy trì trong khoảng thời gian có nguy cơ cao của một sự cố an ninh;

c) Cấp độ an ninh 3 là cấp độ mà các biện pháp bảo vệ an ninh cụ thể phải được duy trì trong khoảng thời gian hạn chế khi một sự cố an ninh có thể xảy ra hoặc sắp xảy ra, mặc dù có thể không xác định được mục tiêu cụ thể.

4. Các biện pháp bảo đảm an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài phải phù hợp với từng cấp độ an ninh sau:

a) Cấp độ an ninh 1 đảm bảo duy trì thực hiện mọi nhiệm vụ an ninh trong Kế hoạch an ninh; theo dõi tất cả các hoạt động diễn ra trong khu vực cảng; kiểm soát khu vực hạn chế trong cảng; kiểm tra, giám sát khu vực làm hàng; kiểm tra, giám sát hoạt động nhận đồ dự trữ cho phương tiện; đảm bảo việc trao đổi thông tin an ninh kịp thời;

b) Cấp độ an ninh 2 thực hiện các biện pháp bảo vệ bổ sung nêu trong Kế hoạch an ninh phải được triển khai thực hiện đối với mỗi hoạt động quy định tại điểm a khoản này;

c) Cấp độ an ninh 3 thực hiện các biện pháp tăng cường bảo vệ đặc biệt trong Kế hoạch an ninh phải được triển khai thực hiện đối với mỗi hoạt động quy định tại điểm a khoản này.

5. Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài do người quản lý khai thác cảng tổ chức thực hiện lần đầu và định kỳ hàng năm theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và có sự tham gia họp đánh giá của đại diện cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng., gồm: cơ quan Công an, Biên phòng, Hải quan, Cảng vụ, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Kiểm dịch động vật (nếu có).

6. Kế hoạch an ninh

a) Kế hoạch an ninh do người quản lý khai thác cảng lập theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhằm đảm bảo việc áp dụng các biện pháp bảo vệ cảng, người, phương tiện, hàng hóa, các đơn vị vận chuyển hàng hóa, đồ dự trữ của phương tiện trong phạm vi cảng, tránh các rủi ro của một sự cố an ninh;

b) Kế hoạch an ninh phải được lập và duy trì trên cơ sở đánh giá an ninh cảng thủy nội địa. Kế hoạch an ninh phải đưa ra các biện pháp phù hợp đối với mỗi cấp độ an ninh quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

7. Cam kết an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài được thực hiện, dựa trên cơ sở đánh giá nguy cơ rủi ro có thể xảy ra từ các hoạt động giao tiếp giữa phương tiện thủy với cảng hoặc giữa phương tiện thủy với nhau đối với người, tài sản và môi trường theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Bản cam kết an ninh phải do thuyền trưởng hoặc sỹ quan an ninh phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển và nhân viên an ninh cảng thủy nội địa hoặc tổ chức chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh trên bờ thay mặt cho chủ cảng lập và phải được chủ cảng hoặc chủ phương tiện cam kết có biện pháp bảo đảm an ninh phù hợp với cấp độ an ninh của cảng hoặc phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển. Chủ phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển hoặc chủ cảng có thể yêu cầu một bản cam kết an ninh khi có một trong các trường hợp sau:

a) Phương tiện thủy nước ngoài có cấp độ an ninh cao hơn so với cảng thủy nội địa hoặc phương tiện thủy nước ngoài khác mà phương tiện đó đang giao tiếp;

b) Có ký kết thỏa thuận về cam kết an ninh giữa các nước ký kết đối với một số tuyến quốc tế hoặc đối với một số phương tiện cụ thể trên các tuyến đó;

c) Đã có mối đe dọa an ninh hoặc sự cố an ninh liên quan đến phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển hoặc cảng;

d) Phương tiện thủy nước ngoài đang ở trong cảng thủy nội địa nhưng không yêu cầu cảng thủy nội địa phải có và thực thi Kế hoạch an ninh đã được phê duyệt;

đ) Phương tiện thủy nước ngoài đang tiến hành các hoạt động giao tiếp với phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển khác, nhưng không yêu cầu phải có và thực thi một Kế hoạch an ninh phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển được phê duyệt;

e) Nội dung trong bản cam kết an ninh phải được nhân viên an ninh cảng hoặc thuyền trưởng hoặc sỹ quan an ninh phương tiện thủy nước ngoài cam kết có biện pháp bảo đảm an ninh phù hợp với cấp độ an ninh của cảng và phương tiện thủy nước ngoài.

9. Cán bộ an ninh cảng thủy nội địa phải được huấn luyện phù hợp với chương trình chuẩn của chương trình đào tạo an ninh cảng thủy nội địa đã được Bộ Xây dựng phê duyệt và được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ Cán bộ an ninh cảng thủy nội địa. Ít nhất 05 năm một lần, bố trí cán bộ an ninh cảng thủy nội địa được tham gia khóa huấn luyện cập nhật kiến thức cho cán bộ an ninh cảng thủy nội địa do các Cơ sở đào tạo tổ chức.

Điều 11. Thủ tục phê duyệt đánh giá an ninh, kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

1. Người quản lý khai thác cảng thủy nội địa lập hồ sơ theo quy định tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này và nộp 02 bộ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cảng vụ.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt đánh giá an ninh, gồm:

a) Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt đánh giá an ninh theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Bản đánh giá an ninh theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư này.

Thành phần tham dự gồm các cơ quan quản lý tại khu vực cảng: cơ quan Công an, Cảng vụ, Hải quan cửa khẩu, Biên phòng cửa khẩu, Kiểm dịch y tế, Kiểm dịch động vật, Kiểm dịch thực vật.

3. Hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, gồm:

a) Bản chính văn bản đề nghị theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa có xác nhận của Người đại diện pháp luật của Doanh nghiệp cảng ở trang cuối đã được Cảng vụ Hàng hải hoặc Cảng vụ Đường thủy nội địa thẩm định (đối với cảng liên doanh với nước ngoài hoặc người quản lý khai thác cảng là pháp nhân, thể nhân nước ngoài thì đánh giá an ninh cảng thủy nội địa phải được dịch sang tiếng Anh);

c) Bản sao Kế hoạch an ninh.

4. Hồ sơ xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa, gồm:

a) Bản chính văn bản đề nghị theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Bản đánh giá an ninh phải có ý kiến của các cơ quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Bản sao Biên bản các buổi tập huấn hoặc diễn tập hoặc huấn luyện theo chương trình Kế hoạch an ninh được phê duyệt;

d) Bản chính giấy chứng nhận phù hợp an ninh (để xác nhận vào trang sau của giấy chứng nhận).

5. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ thẩm định hồ sơ và báo cáo kết quả thẩm định gửi kèm 02 bộ hồ sơ đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Cảng vụ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam phê duyệt đánh giá an ninh, kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa.

Giấy chứng nhận phê duyệt đánh giá an ninh, giấy chứng nhận phê duyệt kế hoạch an ninh, giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài và xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa theo Mẫu số 16, Mẫu số 17, Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài có thời hạn 05 năm và hàng năm phải được xác nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

Điều 12. Kiểm tra, giám sát an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

1. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cảng vụ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm việc thực hiện công tác an ninh tại cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài. Danh mục kiểm tra công tác an ninh tại các cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Người quản lý khai thác cảng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác an ninh để phục vụ cho việc đánh giá an ninh và xây dựng kế hoạch an ninh.

3. Phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển vào, rời cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh tại Thông tư này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chương IV
HOA TIÊU ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 13. Chế độ sử dụng hoa tiêu

1. Tàu thuyền nước ngoài khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải theo chế độ hoa tiêu bắt buộc.

2. Phương tiện thủy nội địa của Vương quốc Campuchia thực hiện theo quy định tại Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy.

3. Tàu biển Việt Nam khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải có hoa tiêu dẫn đường theo quy định về hoa tiêu hàng hải.

4. Trường hợp cần thiết, thuyền trưởng tàu thuyền thuộc diện không bắt buộc phải có hoa tiêu dẫn đường có thể yêu cầu hoa tiêu dẫn đường.

Điều 14. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động hoa tiêu

Tổ chức, hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa thực hiện theo quy định về hoa tiêu của pháp luật hàng hải và do Hoa tiêu hàng hải thực hiện.

Điều 15. Tiêu chuẩn và chứng chỉ chuyên môn của hoa tiêu

Tiêu chuẩn, chứng chỉ hoa tiêu đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định đối với hoa tiêu hàng hải.

Chương V
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ
Mục 1
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH

Điều 16. Trách nhiệm quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước của chuyên ngành mình tại cảng.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông đường thủy nội địa của Cảng vụ tại cảng:

a) Quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông đường thủy nội địa tại cảng theo quy định tại các Điều 71, 72 Luật Giao thông đường thủy nội địa và Thông tư này;

b) Xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý tiêu chí đánh giá rủi ro đối với hoạt động tàu thuyền theo quy định tại Điều 7 Thông tư này làm cơ sở triển khai công tác kiểm tra phương tiện;

c) Kiểm tra hoạt động của cảng theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hoạt động đường thủy nội địa

1. Các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng có trách nhiệm phối hợp thực hiện nhiệm vụ, tuân theo các quy định của pháp luật bảo đảm an toàn, an ninh và hiệu quả.

2. Các vướng mắc phát sinh liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác đều phải được trao đổi thống nhất để giải quyết kịp thời.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng thủy nội địa khi thực hiện nhiệm vụ phải tuân theo các quy định của pháp luật, không gây phiền hà, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp, chủ tàu, chủ hàng, phương tiện và các tổ chức, cá nhân khác trong khu vực cảng thủy nội địa.

4. Cơ quan quản lý nhà nước tại cảng thủy nội địa có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các thủ tục liên quan đến phương tiện, hàng hóa, hành khách, thuyền viên khi hoạt động tại cảng thủy nội địa theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật khác có liên quan; thông báo cho Cảng vụ biết kết quả giải quyết thủ tục liên quan đến phương tiện, hàng hóa, thuyền viên, hành khách khi hoạt động tại cảng thủy nội địa.

5. Cảng vụ có trách nhiệm chủ trì tổ chức phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

Mục 2
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 18. Trách nhiệm của chủ cảng, người quản lý khai thác cảng

1. Chỉ được tiếp nhận tàu thuyền vào hoạt động tại cảng đã được cơ quan có thẩm quyền công bố hoạt động theo quy định.

2. Không tiếp nhận tàu thuyền không có giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đã hết hạn sử dụng.

3. Xây dựng nội quy hoạt động của cảng; niêm yết giá bốc xếp hàng hóa và các dịch vụ khác. Nội quy hoạt động, bảng niêm yết giá bốc xếp hàng hóa phải bố trí ở nơi thuận lợi dễ thấy, nội dung rõ ràng, dễ đọc.

4. Lắp đặt camera theo dõi hoạt động tại cảng và có đường truyền kết nối, chia sẻ tín hiệu đến bộ phận trực điều động của cơ quan quản lý, thời gian thực hiện chậm nhất trước ngày 01/7/2027.

5. Thiết bị xếp dỡ bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và phù hợp với kết cấu, sức chịu lực của công trình. Bố trí người điều khiển thiết bị xếp dỡ phải có giấy chứng nhận, chứng chỉ điều khiển theo quy định của pháp luật.

6. Không xếp hàng hóa vượt quá tải trọng cho phép; không cho phép hành khách lên tàu thuyền quá số lượng theo quy định.

7. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về xếp dỡ hàng hóa độc hại, nguy hiểm và quy định pháp luật về đường thủy nội địa có liên quan.

8. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

9. Chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh đối với tàu thuyền hoạt động tại cảng.

10. Bố trí nhân lực quản lý, khai thác cảng bảo đảm trật tự, an toàn, an ninh và môi trường.

11. Chủ động cứu người, hàng hóa, tàu thuyền khi xảy ra tai nạn; báo cáo và phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết, khắc phục hậu quả tai nạn và ô nhiễm môi trường; tuân thủ sự điều động của Cảng vụ hoặc cơ quan liên quan trong việc cứu người, hàng hóa, tàu thuyền bị nạn trong vùng nước cảng và phòng chống thiên tai.

12. Tiếp nhận, bảo quản danh sách hành khách do người làm thủ tục giao; lưu trữ hồ sơ phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền.

13. Hàng ngày, cập nhật dữ liệu cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu đang khai thác, số liệu phương tiện, hàng hóa, hành khách qua cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trên cơ sở dữ liệu của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

14. Báo cáo ngay cho Cảng vụ khi phát hiện có vi phạm để kịp thời xử lý theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền viên, người lái phương tiện hoạt động trong vùng nước cảng

1. Chỉ được cho tàu thuyền hoạt động xếp dỡ hàng hóa, đón trả hành khách tại các cảng được cơ quan có thẩm quyền công bố hoạt động theo quy định.

2. Tuân thủ nội quy cảng và các quy định về phòng chống thiên tai, phòng chống cháy, nổ, sự cố môi trường; chấp hành Lệnh điều động của Cảng vụ trong các trường hợp khẩn cấp.

3. Phân công người trực ca để duy trì hoạt động của động cơ, thiết bị an toàn; thiết bị thông tin liên lạc.

4. Trường hợp phát hiện trên tàu thuyền có người, động vật mắc bệnh truyền nhiễm hoặc thực vật có khả năng gây bệnh phải báo ngay cho Cảng vụ hoặc chính quyền địa phương nơi có cảng, cơ quan chức năng có liên quan và đưa tàu thuyền neo đậu tại khu vực riêng để có biện pháp xử lý.

5. Trong quá trình xếp, dỡ hàng hóa hoặc đón trả hành khách phải kiểm tra, chuẩn bị các điều kiện cần thiết bảo đảm an toàn lao động, nếu phát hiện dấu hiệu không an toàn, phải dừng ngay việc xếp, dỡ hàng hóa để có biện pháp khắc phục. Không xếp hàng hóa vượt quá kích thước của phương tiện, quá vạch dấu mớn nước an toàn, không nhận hành khách quá số lượng theo quy định.

6. Chỉ được cho tàu thuyền rời cảng khi tàu thuyền bảo đảm ổn định, điều kiện thời tiết, khí hậu thuận lợi. Thuyền trưởng, người lái phương tiện phải chịu trách nhiệm về sự an toàn, an ninh của hành khách, tàu thuyền khi rời cảng.

7. Không cản trở hoặc gây khó khăn cho người thi hành công vụ, thuyền viên của tàu thuyền khác đi qua tàu thuyền mình.

8. Khi tàu thuyền bị trôi dạt hoặc bị thay đổi nơi neo đậu do các nguyên nhân khách quan, phải tiến hành ngay các biện pháp bảo đảm an toàn và báo cho Cảng vụ biết.

9. Thuyền trưởng, thuyền viên, người lái phương tiện đang hoạt động tại cảng có nghĩa vụ bắt buộc cứu người và tàu thuyền bị tai nạn xảy ra trong vùng nước cảng.

10. Khi phát hiện tai nạn hoặc nguy cơ xảy ra tai nạn, thuyền trưởng, thuyền viên hoặc người lái phương tiện bị nạn phải lập tức phát tín hiệu cấp cứu theo quy định và tiến hành ngay các biện pháp cứu người, tài sản, đồng thời thông báo cho Cảng vụ hoặc Công an, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cảng để có biện pháp xử lý kịp thời.

11. Chấp hành sự huy động của Cảng vụ, Công an, chính quyền địa phương đưa phương tiện, thiết bị, dụng cụ tham gia tìm kiếm, cứu nạn.

12. Trường hợp tàu thuyền bị chìm đắm, sau khi cứu người, tài sản, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện bị đắm phải đặt báo hiệu theo quy định, tổ chức cảnh báo và báo cáo ngay cho chủ tàu thuyền để tiến hành trục vớt. Việc xử lý phương tiện, tài sản chìm đắm tại vùng nước cảng áp dụng theo quy định của Chính phủ về xử lý tài sản chìm đắm trên đường thủy nội địa.

13. Thuyền trưởng phương tiện thủy nước ngoài phải treo quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở đỉnh cột cao nhất; trường hợp cần treo cờ lễ, cờ tang, kéo còi trong các dịp nghi lễ của nước mình, phải thông báo trước cho Cảng vụ.

14. Thông báo kế hoạch phương tiện vào cảng cho chủ cảng qua email, tin nhắn hoặc hình thức phù hợp khác để làm cơ sở cho chủ cảng lập kế hoạch tiếp nhận phương tiện hàng ngày. Nội dung thông báo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

15. Duy trì hoạt động của thiết bị giám sát hành trình trên tàu thuyền theo quy định.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Các quy định sau đây hết hiệu lực từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;

b) Điều 2 Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường thủy nội địa.

3. Thay thế Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 3 Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa) bằng Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

PHỤ LỤC
CÁC MẪU VĂN BẢN ÁP DỤNG TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH TẠI CẢNG BIỂN, CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA, KHU NEO ĐẬU
(Kèm theo Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 05 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01	Giấy phép rời cảng thủy nội địa
Mẫu số 02	Bản khai chung
Mẫu số 03	Danh sách thuyền viên
Mẫu số 04	Danh sách hành khách
Mẫu số 05	Bản khai hàng hóa
Mẫu số 06	Bản khai kiểm dịch thực vật
Mẫu số 07	Bản khai kiểm dịch động vật
Mẫu số 08	Bản khai vũ khí và vật liệu nổ
Mẫu số 09	Bản khai người trốn trên tàu
Mẫu số 10	Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 11	Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 12	Bản cam kết an ninh
Mẫu số 13	Văn bản đề nghị phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 14	Văn bản đề nghị phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 15	Văn bản đề nghị xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 16	Giấy chứng nhận phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 17	Giấy chứng nhận phê duyệt kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 18	Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 19	Danh mục kiểm tra, giám sát an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
Cơ quan có thẩm quyền cấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP RỜI CẢNG
PORT CLEARANCE

Giấy phép rời cảng số:……..
Port Clearance No.
Tên tàu:……
Name of ship
Quốc tịch tàu:……..
Flag State of ship
Dung tích toàn phần:…….
Gross tonnage
Số lượng thuyền viên:……..
Number of crews
Số lượng hành khách:…….....
Number of passengers
Hàng hóa trên tàu:……
Cargo
Hàng hóa quá cảnh:……..
Transit cargo
Rời cảng hồi…….giờ……ngày….tháng…..năm……...
Time of departure ……. date ……..
Có hiệu lực đến…….giờ……ngày….tháng…..năm…….
Valid until ……. date ……..
Cảng đến……
Next port of call
Cấp…….giờ……ngày…./…../…….
Issued at ……. on …….

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
Cơ quan có thẩm quyền cấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP RỜI CẢNG[1]
PORT CLEARANCE

Tên tàu:……. Quốc tịch tàu:…….. Hô hiệu:…… Số đăng ký hành chính: (*) ……..
Name of ship Flag State of ship Call sign .... Official number .....
Dung tích toàn phần:…….Tên thuyền trưởng:…….
Gross tonnage Name of master
Số lượng thuyền viên:……..Số lượng hành khách:…….
Number of crews Number of passenger
Hàng hóa trên tàu:……
Cargo
Hàng hóa quá cảnh:……..
Transit cargo
Thời gian rời cảng:……..giờ……ngày…….tháng…..năm…….
Time of departure Date
Cảng đến:…….....
Next port of call
Giấy phép rời cảng này có hiệu lực đến…giờ....ngày….tháng….năm…
This port clearance is valid until
Giấy phép số:……/CV……
Nº

Ngày…..tháng….năm 20….
Date……
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
Director

(*) Mục này chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.
Only for inland waterway ships.

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI CHUNG
GENERAL DECLARATION

☐	Vào Arrival	☐	Rời Departure

1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship			
1.2 Số chuyến đi: Voyage number			
2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure		3. Thời gian đến/rời cảng Date and time of arrival/departure	
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	5. Tên thuyền trưởng: Name of master	6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích Last port of call/next port of call	
7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (date, number and Port of registry)		8. Tên và địa chỉ liên lạc của người làm thủ tục: Name and contact details of ship's agent	
9. Tổng dung tích: Gross tonnage	10. Dung tích có ích: Net tonnage		
11. Đặc điểm chính của chuyến đi: Brief particulars of voyage Các cảng trước: Previous ports of call Các cảng sẽ đến: Subsequent ports of call Các cảng sẽ dỡ hàng: Ports where remaining cargo will be discharged			
12. Thông tin về hàng hóa vận chuyển trên tàu: Brief description of the cargo			
Loại hàng hóa Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Đơn vị tính Unit
Xuất khẩu Export cargo			
.....			
Nhập khẩu Import cargo			
…..			
Nội địa Domestic cargo			
….			
Hàng trung chuyển Transhipment cargo			
…….			

Thông tin về hàng hóa quá cảnh
Description of the cargo in transit

Loại hàng Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Số lượng hàng hóa quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging	Đơn vị tính Unit

<table>
<tr><td colspan="5">Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng
The quantity of cargo in transit loading, discharging at port</td></tr>
<tr><td>……</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="5">Hàng quá cảnh không xếp dỡ
The quantity of cargo in transit</td></tr>
<tr><td>…..</td><td></td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>13. Số thuyền viên
Number of crew</td><td>14. Số hành khách
Number of passengers</td><td colspan="3">15. Ghi chú:
Remarks
- Trọng tải toàn phần:
Deadweight (DWT)</td></tr>
<tr><td>16. Bản khai hàng hóa:
Cargo Declaration</td><td>17. Bản khai dự trữ của tàu
Ship’s Stores Declaration</td><td colspan="3">- Mớn nước mũi, lái:
Draft F/A
- Chiều dài lớn nhất:
LOA
- Chiều rộng lớn nhất:
Breadth
- Chiều cao tĩnh không:
Air draft
- Loại nhiên liệu sử dụng trên tàu:
Type of fuel
- Lượng nhiên liệu trên tàu:
Remain on board (R.O.B)
- Tên và địa chỉ chủ tàu:
Name and address of the shipowners
- Các thông tin cần thiết khác (nếu có)
And others (If any)</td></tr>
<tr><td>18. Danh sách thuyền viên
Crew List</td><td>19. Danh sách hành khách
Passenger List</td><td colspan="3" rowspan="2">20. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải
The ship’s requirements in terms of waste and residue reception facilities</td></tr>
<tr><td>21. Bản khai hành lý thuyền viên(*)
Crew’s Effects Declaration (only on arrival) (*)</td><td>22. Bản khai kiểm dịch y tế (*)
Maritime Declaration of Health (only on arrival) (*)</td></tr>
<tr><td colspan="2">22.1 Số đăng ký hành chính
Official number</td><td colspan="3">22.2 Số đăng kiểm
Registry number</td></tr>
<tr><td colspan="5">22.3 Mã số Giấy phép rời cảng (*)
Number of port clearance</td></tr>
<tr><td colspan="2">Ghi chú:
Note:
(*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng.
Only on arrival.
Mục 22.1 và 22.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.
No 22.1 and 22.2: Only for inland waterway ships.</td><td colspan="3">23….., ngày... tháng... năm...
Date ……
Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (or authorized agent or officer)</td></tr>
</table>

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN
CREW LIST

										Vào Arrival		Rời Departure	Trang số: Page No.
1.1 Tên tàu: Name of ship					1.2 Số IMO IMO number			1.3 Hô hiệu: Call sign		1.4 Số chuyến đi Voyage number		
2. Cảng vào/rời: Port of arrival/departure					3. Ngày vào/rời: Date of arrival/departure			4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship		5. Cảng rời cuối cùng: Last port of call		
5.1 Số đăng ký hành chính Official number					5.2 Số đăng kiểm Registry number							
6.STT No.	7. Họ Family name	8. Tên Given name	9. Chức danh Rank of rating	10. Quốc tịch (*) Nationality	11. Ngày sinh (*) Date of birth	12 Nơi sinh (*) Place of birth	13. Giới tính Gender	14. Loại giấy tờ nhận dạng (Hộ chiếu của thuyền viên/ Số định danh cá nhân) Nature of identity document (seaman's passport/ Personal identification number)	15. Số giấy tờ nhận dạng Number of identity document	16. Quốc gia cấp giấy tờ nhận dạng Issuing State of identity document		17. Ngày hết hạn của giấy tờ nhận dạng Expiry date of identity document

Ghi chú:
Note:
Mục 5.1 và 5.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.
No 5.1 and 5.2: Only for inland waterway ships.
(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.
Only for foreigner.

(18)....., ngày.....tháng.....năm.....
Date ……..
Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

……, ngày…… tháng…… năm 20…
……, date…… ……. …… …

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH
PASSENGER LIST

Tên tàu thuyền: …… Số đăng ký: .....
Name of ship Registration number
Tên chủ tàu thuyền: .....
Name of shipowner
Địa chỉ: .....
Address
Tên thuyền trưởng: …… Số GCNKNCM (CCCM): .....
Name of Master Certificate of Professional Competency No.
Tuyến vận tải .....
Transport route
Thời gian rời bến: hồi…… giờ……, ngày ……/……/20.....
Departure time from port: at ……, date ……..…….....……
Quốc tịch: Việt Nam …… người; nước ngoài ..... người
Nationality: Vietnamese ……. persons; foreigners ……. persons

STT No.	**Họ và tên** Full name	**Ngày sinh** Date of birth	**Quốc tịch** Nationality	**Số hộ chiếu/ Số định danh cá nhân** Passport No./ Personal Identification No.
1				
2				
3				
……				

Tổng số hành khách ……người (bằng chữ ..... người)
Total number of passengers: …….. persons (in words …… persons)
Ghi chú: lấy thông tin của hành khách, để phục vụ cho việc liên lạc.
Note: Passenger information is collected for contact purposes.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KHAI THÁC CẢNG, BẾN
REPRESENTATIVE OF PORT/TERMINAL OPERATOR
(ký ghi rõ họ, tên)
(signature and full name)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH
PREPARED BY
(ký ghi rõ họ, tên)
(signature and full name)

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA
CARGO DECLARATION

			☐ Vào Arrival	☐ Rời Departure		Trang số: Page No:	
	1.1 Tên tàu Name of ship		1.2 Số IMO IMO number				
	1.3 Số chuyến đi: Voyage number		2. Cảng lập bản khai: Port where report is made				
	3. Quốc tịch tàu: Flag State of ship		4. Tên thuyền trưởng: Name of master				
	5. Cảng bốc/dỡ hàng hóa: Port of loading/Port of discharge						
Vận đơn số* B/L No	6. Ký hiệu và số hiệu hàng hóa Marks and Nos.	7. Số và loại bao kiện; loại hàng hóa, mã hàng hóa Number and kind of packages; description of goods or, if available, the Harmonized System (HS) code	8. Tổng trọng lượng Gross weight	9. Kích thước Measurement			
	Xuất khẩu Export cargo						
	Nhập khẩu Import cargo						
	Nội địa Domestic cargo						
	Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging at port						
	Hàng quá cảnh không xếp dỡ						

The quantity of cargo in transit			
Hàng trung chuyển Transshipment cargo			
9.1 Số đăng ký hành chính Official number		9.2 Số đăng kiểm Registry number	

* Số Vận đơn: Khai cảng nhận hàng chính thức theo phương thức vận tải đa phương thức hoặc vận đơn suốt.

B/L No: Also state original port by shipment using multimodal transport document or through Bill of Lading

Note: Mục 9.1 và 9.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa

No 9.1 and 9.2: Only for inland waterway ships.

(10)....., ngày.....tháng.....năm.....

Date ……..

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom – Happiness

BẢN KHAI KIỂM DỊCH THỰC VẬT
DECLARATION FOR PLANT QUARANTINE

Tên tàu: ……	Quốc tịch tàu: ……..
Name of ship	Flag State of ship
Tên thuyền trưởng: ……	Tên bác sỹ: ……..
Name of master	Name of doctor
Số thuyền viên: ……...	Số hành khách: ……..
Number of crew	Number of passengers
Cảng rời cuối cùng: ……	Cảng đến tiếp theo: ……
Last port of call	Next port of call

Cảng bốc hàng đầu tiên và ngày rời cảng đó:
The first port of loading and the date of departure:
…….
Tên, số lượng, khối lượng hàng thực vật nhận ở cảng đầu tiên:
Name, quantity and weight of plant goods loaded at the first port:
……
Tên, số lượng, khối lượng hàng thực vật nhận ở các cảng trung gian và tên các cảng đó:
Name, quantity, weight of plant goods loaded at the intermediate ports and the names of these ports:
……
Tên, số lượng và khối lượng hàng thực vật cần bốc ở cảng này:
Name, quantity and weight of plant goods to be discharged at this port:
……
Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch thực vật.
The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for full compliance with the said regulations on plant quarantine.

……., ngày ... tháng ... năm 20 ...
Date…….....
Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
DECLARATION FOR ANIMAL QUARANTINE

Tên tàu: ……	Quốc tịch tàu: ……..
Name of ship	Flag State of ship
Tên thuyền viên: ……	Tên hành khách: ……..
Name of crew	Name of passengers
Cảng rời cuối cùng: ……	Cảng đến tiếp theo: ……
Last port of call	Next port of call

Tên hàng động vật và sản phẩm động vật nhận ở cảng đầu tiên:
Animal and animal products loaded at the first port
……
……
Tên hàng động vật và sản phẩm động vật dỡ ở các cảng trung gian và tên cảng đó:
Animal and animal products loaded at the intermediate ports and the name of the ports
……
……
Tên hàng động vật và sản phẩm động vật dỡ ở cảng này:
Animal and animal products to be discharged at this port
……
……
Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch động vật.
The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for full compliance with the said regulations on animal quarantine.

……., ngày ... tháng ... năm 20 ...
Date….....…….
Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Mẫu số 08

BẢN KHAI VŨ KHÍ VÀ VẬT LIỆU NỔ

DECLARATION OF ARMS AND EXPLOSIVE MATERIALS

Trang số:
Page number:

Tên tàu:
Name of ship

Số IMO
IMO number

Quốc tịch tàu:
Flag State of ship

Hô hiệu:
Call sign

Tên thuyền trưởng:
Master's name

Đại lý tàu biển
Shipping agent

Thứ tự *Order*	**Loại vũ khí và vật liệu nổ** *Kind and description of arm and explosive material*	**Số lượng** *Quantity*	**Tên và số hiệu** *Mark and number*	**Nơi cất giữ, bảo quản** *Stored place*

Chữ ký đại lý
Agent's signature

Chữ ký thuyền trưởng
Master's signature

Địa điểm, thời gian
Place and date

Địa điểm, thời gian
Place and date

Mẫu số 09

BẢN KHAI NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU

DECLARATION OF STOWAWAY

1. CHI TIẾT VỀ TÀU/*SHIP DETAILS*

Tên tàu/*Name of ship:*
Số IMO/*IMO number:*
Quốc tịch tàu/*Flag State of ship:*
Công ty tàu/*Company:*
Địa chỉ công ty/*Company address:*
Tên thuyền trưởng/*Name of the Master:*
Đại lý tàu biển/*Shipping agent:*
Đại lý cảng tiếp/*Agent in next port:*
Địa chỉ đại lý/*Agent address:*
IRCS:
Số INMARSAT/*INMARSAT number:*
Cảng đăng ký/*Port of registry:*

2. CHI TIẾT VỀ NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU/*STOWAWAY DETAILS*

Thời gian phát hiện trên tàu/*Date/time found on board:*
Nơi tìm thấy trên tàu/*Place of boarding:*
Quốc gia xảy ra việc trốn lên tàu/*Country of boarding:*
Thời gian xảy ra việc trốn lên tàu/*Date/time of boarding:*
Đích cuối cùng của người trốn trên tàu/*Intended final destination:*
Lời khai lý do trốn trên tàu/*Stated reasons for boarding ship:*
Họ/*Surname:* Tên/*Given name:*
Tên khác/*Name by which known:*
Giới tính/*Gender:*
Ngày sinh/*Date of birth:*
Nơi sinh/*Place of birth:*
Khai báo về quốc tịch/*Claimed nationality:*
Địa chỉ nhà riêng/*Home address:*
Quốc gia cư trú/*Country of domicile:*
Số-loại giấy tờ /*ID document type, e.g. Passport No*:
Sổ thuyền viên/*Seaman's book No:*
Nếu có/*If yes,*
Ngày cấp/*When issued:*
Nơi cấp/*Where issued:*
Ngày hết hạn/*Date of expiry:*
Cơ quan cấp/*Issued by:*
Ảnh của người trốn trên tàu/*Photograph of the stowaway:*
Đặc điểm nhận dạng của người trốn trên tàu/
General physical description of the stowaway:
Ngôn ngữ sử dụng chính/*First language:*
Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*
Khả năng đọc/*Read:*
Khả năng viết/*Written:*
Ngôn ngữ khác/*Other languages:*
Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*

Khả năng đọc/*Read:*
Khả năng viết/*Written:*

3. CÁC CHI TIẾT KHÁC/*OTHER DETAILS*

(1) Phương thức trốn trên tàu, bao gồm cả những người liên quan (ví dụ: thủy thủ, công nhân cảng.v.v…) và cả người trốn trong hàng hóa/container hoặc ẩn ở trên tàu/*Method of boarding, including other persons involved (e.g. crew, port workers, etc.), and whether the Stowaway was secreted in cargo/container or hidden in the ship:*

(2) Kiểm kê tài sản người trốn trên tàu/*Inventory of the Stowaway's possessions:*

(3) Tờ khai của người trốn trên tàu/*Statement made by the Stowaway:*

(4) Tờ khai của Thuyền trưởng (bao gồm cả những nhận xét về tính xác thực về những thông tin mà người trốn trên tàu khai)/*Statement made by the Master (including any observations on the credibility of the information provided by the Stowaway).*

Các ngày thực hiện phỏng vấn/*Date(s) of Interview(s):*

CHỮ KÝ **NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU** *STOWAWAY'S SIGNATURE* ***DATE:***	**CHỮ KÝ** **THUYỀN TRƯỞNG** *MASTER'S SIGNATURE* ***DATE:***	**CHỮ KÝ ĐẠI LÝ** *AGENT'S SIGNATURE* ***DATE:***

Mẫu số 10

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI

(Lần đầu)

Tên cơ quan, bộ phận thực hiện: .....

Thời gian tổ chức đánh giá: .....

(Lưu ý: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa là tài liệu hạn chế lưu hành, nghiêm cấm việc sao chép, sử dụng, tiếp cận trái phép tài liệu này, trừ những người có trách nhiệm đối với công tác an ninh cảng thủy nội địa. Khi không sử dụng phải lưu giữ trong két bảo mật).

..., ngày ... tháng ... năm...
GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Lời nói đầu
I. Khái quát về cảng (1)
II. Cơ sở pháp lý đối với việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (2)
III. Phương án thực hiện đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (3)
IV. Các tài sản, kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ (4)
V. Các mối đe dọa đối với cảng (5)
VI. Hậu quả của các sự cố an ninh (6)
VII. Các khuyến nghị
VIII. Các Phụ lục
Phụ lục 1: Sơ đồ cảng
Phụ lục 2: Danh mục các cầu, bến cảng
Phụ lục 3: Phân tích rủi ro đối với mối đe dọa, tình huống giả định áp vào một tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể, bao gồm các nội dung:
- Quan sát, khảo sát ngay tại vị trí tài sản, kết cấu hạ tầng được thiết lập để mô tả các đặc điểm, yếu tố của chúng dưới góc độ bảo đảm an ninh nếu tình huống giả định xảy ra. Cụ thể cần mô tả về:
+ Vị trí;
+ Vai trò, công dụng của tài sản, kết cấu hạ tầng và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động chung của cảng;
+ Loại, cấp cấu trúc của tài sản, kết cấu hạ tầng;
+ Các kết cấu liền kề hoặc tiếp giáp với tài sản, kết cấu hạ tầng;
+ Hàng rào vòng ngoài;
+ Các lối, vị trí, nơi ra vào hoặc có thể tiếp cận tài sản, kết cấu hạ tầng;
+ Các hệ thống, biện pháp an ninh, bảo vệ hiện đang được vận hành; quy định ra vào, báo động, giám sát xâm nhập, chiếu sáng, camera kiểm soát tiếp cận, xâm nhập v.v…
- Nhận xét về các khiếm khuyết, điểm yếu đối với các vấn đề nêu trong các nội dung đã được mô tả, nhất là về: hàng rào; lối ra vào, tiếp cận; việc lưu thông, qua lại khu vực tài sản, kết cấu hạ tầng; quy định, cách thức kiểm tra, kiểm soát; báo động; ý thức cảnh giác của cán bộ, nhân viên và việc phổ biến, huấn luyện về an ninh v.v...
- Các biện pháp an ninh cần thiết lập, áp dụng khi các cấp độ an ninh cao hơn được thiết lập cho cảng thủy nội địa:
+ Cấp độ an ninh 2;
+ Cấp độ an ninh 3.
- Tính toán, lập Bảng kết quả phân tích rủi ro đối với các mối đe dọa tiềm ẩn, phù hợp với tình hình an ninh thực tế của cảng mình.

Ghi chú:

(1) Doanh nghiệp cảng tập hợp, thu thập thông tin về cảng thủy nội địa như sau:
a) Vị trí địa lý, diện tích và ranh giới tiếp giáp (vùng đất cảng, vùng nước trước cảng);
b) Vai trò của cảng đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh, khu vực hoặc quốc gia;

c) Số lượng và chủng loại hàng thông qua cảng;
d) Số lượt tàu đến cảng trong năm, loại tàu và quốc tịch tàu;
đ) Loại công trình cảng;
e) Các kết cấu hạ tầng của cảng;
g) Sơ đồ tổ chức, điều hành sản xuất, kinh doanh;
h) Các nội quy, quy định, quy trình hiện hành liên quan đến trật tự, trị an cảng;
(2) Nêu rõ việc thực hiện các quy định của Thông tư này.
(3) Nêu các nội dung: thành phần tham gia đánh giá an ninh cảng thủy nội địa gồm những ai? Nội dung tập hợp thông tin về kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ và các vấn đề liên quan thực hiện trong bao lâu?
(4) Tham khảo mục 15.7 Phần B của Bộ luật An ninh tàu và bến cảng (Bộ luật ISPS) để xác định những tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể nào là quan trọng, cần bảo vệ.
(5) Xác định các mối đe dọa đối với cảng như trộm cắp, buôn lậu ma túy, di cư, vượt biên trái phép và lậu vé; trộm cắp có vũ trang đối với tàu biển; phá hoại; khủng bố và tham khảo mục 15.11 Phần B của Bộ luật ISPS để xác định các mối đe dọa, sự cố an ninh cụ thể có thể xảy ra đối với cảng của mình.
(6) Nêu những hậu quả chung và hậu quả, ảnh hưởng hậu quả của các tình huống giả định.

ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

STT	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ	
I	**Tổng quát**		
1	Tên cảng thủy nội địa		
2	Doanh nghiệp cảng thủy nội địa		
3	Tên của cán bộ an ninh cảng thủy nội địa		
4	Số lượt tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua		
5	Loại tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua		
6	Thời gian kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt		
7	Từ ngày được phê duyệt đến nay cảng có thay đổi lớn gì về kết cấu, trang thiết bị hay khai thác không?	☐ Có Chuyển đến Mục VI	☐ Không
8	Từ ngày được phê duyệt đến nay tại cảng có xảy ra sự cố an ninh nào không?	☐ Có Chuyển đến Mục VI	☐ Không
II	**Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm**		
1	Ban (bộ phận) an ninh cảng có được thành lập không?	☐ Có	☐ Không
2	Ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có họp định kỳ không?	☐ Có Chu kỳ:	☐ Không
3	Cán bộ an ninh có được chỉ định bằng văn bản không?	☐ Có	☐ Không
4	Các thành viên trong ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	☐ Có	☐ Không
5	Các nhân viên bảo vệ có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	☐ Có	☐ Không
6	Các nhân viên khác trong cảng có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	☐ Có	☐ Không
7	Cảng có thiết lập các quy trình nhằm bảo vệ các thông tin nhạy cảm về an ninh đường thủy nội địa, kể cả Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
8	Cảng có thiết lập mối quan hệ với các cơ quan có liên quan đến an ninh đường thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
9	Cảng có ký bản cam kết an ninh với tàu không?	☐ Có	☐ Không
III	**Các biện pháp an ninh**		
1	**Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa**		
1.1	Các biện pháp an ninh thủy nội địa đang áp dụng có kiểm soát được		
	- Cán bộ, nhân viên tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Công nhân tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Khách tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không

	- Thuyền viên tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Những người khác tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Xe máy, xe đạp tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Xe ô tô chở (người, khách) tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Xe ô tô tải tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Phương tiện thủy tiếp cận cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
1.2	Cảng có xây dựng một hệ thống nhận dạng người và phương tiện ra vào cảng không?	☐ Có	☐ Không
1.3	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	☐ Có	☐ Không
1.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	☐ Có	☐ Không
2	**Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát các khu vực hạn chế trong cảng**	☐ Có	☐ Không
2.1	Các khu vực hạn chế trong cảng có được chỉ báo rõ ràng hay không?	☐ Có	☐ Không
2.2	Các biện pháp an ninh hiện đang áp dụng có kiểm soát được:	☐ Có	☐ Không
	- Cán bộ, nhân viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Công nhân tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Khách tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Thuyền viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Những người khác tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Xe máy, xe đạp tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Xe ô tô con tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Xe ô tô tải tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
	- Tàu có tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
2.3	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	☐ Có	☐ Không
2.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	☐ Có	☐ Không

3	**Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa**		
3.1	Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng hóa để bảo đảm chỉ những hàng hóa đúng chủng loại mới được cho vào cảng và kho hay không?	☐ Có	☐ Không
3.2	Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển hàng hóa để bảo đảm những người này được phép chở hàng hóa vào cảng không?	☐ Có	☐ Không
3.3	Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng hóa, kể cả việc kiểm tra niêm phong khi hàng hóa được đưa vào cảng, khi hàng hóa xếp trong cảng?	☐ Có	☐ Không
3.4	Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng vào cảng không?	☐ Có	☐ Không
3.5	Thực hiện kiểm tra hàng hóa nhằm tránh xáo trộn hàng hóa bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	 ☐ Có ☐ Có ☐ Có	 ☐ Không ☐ Không ☐ Không
3.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	☐ Có	☐ Không
3.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	☐ Có	☐ Không
4	**Các biện pháp an ninh đối với giao, nhận hàng cung ứng cho tàu**		
4.1	Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng cung ứng để bảo đảm chỉ những mặt hàng đúng chủng loại mới được cho vào cảng để đưa lên tàu không?	☐ Có chu kỳ;	☐ Không
4.2	Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển để bảo đảm những người này được phép chở hàng cung ứng vào cảng không?	☐ Có chu kỳ;	☐ Không
4.3	Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng cung ứng, kể cả việc kiểm tra chi tiết hàng cung ứng trước khi cho phép đưa vào cảng không?	☐ Có chu kỳ;	☐ Không
4.4	Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng cung ứng vào cảng không?	☐ Có chu kỳ;	☐ Không
4.5	Thực hiện kiểm tra hàng cung ứng bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	 ☐ Có ☐ Có ☐ Có	 ☐ Không ☐ Không ☐ Không
4.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	☐ Có	☐ Không
4.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	☐ Có	☐ Không
5	**Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi**		

5.1	Hành lý gửi có được đánh số, đeo thẻ và để ở những vị trí được bảo vệ thích hợp hay không?	☐ Có	☐ Không
5.2	Có thường xuyên kiểm tra hành lý gửi không?	☐ Có chu kỳ;	☐ Không
5.3	Thực hiện kiểm tra hành lý gửi bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	 ☐ Có ☐ Có ☐ Có	 ☐ Không ☐ Không ☐ Không
5.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	☐ Có	☐ Không
5.5	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	☐ Có	☐ Không
6	**Các biện pháp an ninh đối với Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa**		
6.1	Lực lượng bảo vệ được bố trí tại các vị trí đã nêu trong Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
6.2	Lực lượng tuần tra các khu vực trong cảng thủy nội địa thực hiện việc tuần tra bằng: A. Đi bộ B. Xe đạp, xe máy C. Ca nô	 ☐ Có ☐ Có ☐ Có	 ☐ Không ☐ Không ☐ Không
6.3	Có sử dụng camera để giám sát các khu vực nhạy cảm trong cảng thủy nội địa không?	☐ Có	☐ Không
6.4	Có các biện pháp để bảo đảm hệ thống chiếu sáng, hệ thống an ninh khác được cung cấp điện liên tục không?	☐ Có	☐ Không
6.5	Hệ thống chiếu sáng của cảng có bảo đảm đủ sáng để nhận dạng được người, phương tiện tới gần các điểm tiếp cận, hàng rào, các khu vực hạn chế và tàu, khi trời tối hay khi tầm nhìn xa bị hạn chế hay không?	☐ Có	☐ Không
6.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	☐ Có	☐ Không
6.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	☐ Có	☐ Không
IV	**Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp**		
1	Có thường xuyên liên hệ với các cơ quan có liên quan không?	☐ Có	☐ Không
2	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch sơ tán sau các đợt thực tập, diễn tập không?	☐ Có	☐ Không
3	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi phát hiện vũ khí/thuốc nổ/vật khả nghi trong cảng sau các đợt thực tập, diễn tập không?	☐ Có	☐ Không

4	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi hệ thống chiếu sáng bị mất sau các đợt thực tập, diễn tập không?	☐ Có	☐ Không
5	Có cần cập nhật, bổ sung Kế hoạch phòng cháy chữa cháy sau các đợt thực tập, diễn tập không?	☐ Có	☐ Không
6	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu sau các đợt thực tập, diễn tập không?	☐ Có	☐ Không
V	**Huấn luyện, thực tập và diễn tập**		
1	Có tổ chức huấn luyện cho ban (bộ phận) an ninh cảng không?	☐ Có Biên bản;	☐ Không
2	Có tổ chức huấn luyện cho lực lượng bảo vệ cảng không?	☐ Có Biên bản;	☐ Không
3	Có tổ chức huấn luyện cho các cán bộ, công nhân viên trong cảng không?	☐ Có Biên bản;	☐ Không
4	Có tổ chức các đợt thực tập theo kế hoạch không?	☐ Có Biên bản;	☐ Không
5	Có tổ chức đợt diễn tập theo kế hoạch không?	☐ Có Biên bản;	☐ Không
VI	**Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa và kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa bổ sung**		
1	Có tiến hành đánh giá an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không?	☐ Có	☐ Không cần tiến hành ngay
2	Có tiến hành lập Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không?	☐ Có	☐ Không cần tiến hành ngay
VII	**Các khuyến nghị bổ sung, sửa đổi kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa**		
1	Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm		
2	Các biện pháp an ninh		
2.1	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa		
2.2	Các biện pháp an ninh đối với các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa		
2.3	Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa		
2.4	Các biện pháp an ninh đối với giao nhận hàng cung ứng cho tàu		
2.5	Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi		
2.6	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát an ninh cảng thủy nội địa		
3	Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp		
4	Huấn luyện, thực tập và diễn tập		

....., ngày...tháng...năm...

TRƯỞNG BAN (BỘ PHẬN) AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA
(Ký tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢNG KẾT QUẢ PHÂN TÍCH RỦI RO

			ĐỐI VỚI TÌNH HÌNH HIỆN TẠI						**SAU KHI ĐÃ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP AN NINH**				
Cơ sở hạ tầng và hoạt động quan trọng	Xác định các mối đe dọa		Điểm hậu quả	Điểm khả năng tồn tại			Cấp, biện pháp xử lý	Biện pháp an ninh cần áp dụng	Điểm hậu quả	Điểm khả năng tồn tại			Cấp, biện pháp xử lý
				Đối với khả năng xâm nhập	Đối với an ninh tiếp cận	Tổng điểm				Đối với khả năng xâm nhập	Đối với an ninh tiếp cận	Tổng điểm	
	Mối đe dọa chính 1	- Tình huống cụ thể 1											
		- Tình huống cụ thể 2											
		- ...											
	Mối đe dọa chính 2	- Tình huống cụ thể 1											
		- Tình huống cụ thể 2											

Các mối đe dọa, tình huống giả định thường là: tấn công từ xa, đánh bom từ bên ngoài; xâm nhập trái phép; đưa vũ khí vào cảng, lên tàu; chiếm quyền kiểm soát; bắt, khống chế nhân viên; phá hoại; tấn công nhân viên, trộm, cắp tài sản.

Mẫu số 11

...TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN...
...TÊN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA...

KẾ HOẠCH AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI

(Lần...)

Tên cơ quan, bộ phận thực hiện: .....
(Lưu ý: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa là tài liệu hạn chế lưu hành, nghiêm cấm việc sao chép, sử dụng, tiếp cận trái phép tài liệu này, trừ những người có trách nhiệm đối với công tác an ninh cảng thủy nội địa. Khi không sử dụng phải lưu giữ trong két bảo mật).

....., ngày....tháng....năm....
GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Bảng theo dõi sửa đổi, bổ sung Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa
Lời nói đầu
I. Cơ sở pháp lý đối với việc lập Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa (1)
II. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị về an ninh (2)
III. Các biện pháp an ninh (3)
IV. Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp (4)
V. Huấn luyện, thực tập và diễn tập (5)
VI. Xem xét lại Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa (6)
VII. Các Phụ lục
Phụ lục I: Địa chỉ liên lạc (7)
Phụ lục II: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (8)
Phụ lục III: Sơ đồ và các khu vực hạn chế
Phụ lục IV. Báo cáo các mối đe dọa, sự cố an ninh

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG KẾ HOẠCH AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

STT	Ngày sửa đổi	Vị trí sửa đổi (Trang số)	Nội dung sửa đổi	Ghi chú

Ghi chú:

(1) Nêu rõ các căn cứ pháp lý.

(2) Nêu rõ trách nhiệm về an ninh của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan.

(3) Nêu tất cả các biện pháp an ninh sẽ được thiết lập, áp dụng tại cảng thủy nội địa ở cả ba cấp độ an ninh và tập hợp theo nhóm các lĩnh vực, cụ thể hóa các khuyến nghị trong bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa thành các biện pháp an ninh.

(4) Nêu rõ trách nhiệm, quy trình thông báo, báo cáo các sự cố hoặc mối đe dọa an ninh giữa các cơ quan liên quan. Đồng thời nêu tất cả các quy trình ứng phó đối với các tình huống khẩn nguy có thể xảy ra đối với cảng (như sơ tán khỏi cảng, phát hiện vũ khí hoặc chất nổ trong cảng, các thiết bị an ninh bị hỏng.v.v...)

(5) Nêu cụ thể chương trình huấn luyện, thực tập và diễn tập an ninh sẽ được triển khai tại đơn vị mình.

(6) Nêu các quy trình liên quan đến việc xem xét tính hiệu quả của các biện pháp và quy trình an ninh hiện được thiết lập trong kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa.

(7) Nêu rõ các thông tin về địa chỉ liên lạc của cảng thủy nội địa, doanh nghiệp cảng thủy nội địa, cán bộ an ninh cảng thủy nội địa, trực ban an ninh cảng thủy nội địa v.v...

(8) Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt.

Lưu ý: Từ ngữ sử dụng trong kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa phải nhất quán với đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

Mẫu số 12

BẢN CAM KẾT AN NINH
DECLARATION OF SECURITY

Bản cam kết an ninh có giá trị **Declaration of Security is valid**	**Từ** **From**	**Đến** **To**	**Lý do** **Reasons**

Tên tàu **Name of ship**	**Tên cảng** **Name of Port**	**Tên tàu kia** **Other Ship(s)**
Số IMO IMO N^0	Chủ sở hữu Owners	Số IMO IMO N^0
Cảng đăng ký Port of Registry	Địa chỉ Address	Cảng đăng ký Port of Registry
Công ty Responsible Company	Số điện thoại Tel N^0 Số điện thoại di động Mobile N^0	Công ty Responsible Company
Số điện thoại liên lạc 24/24. 24 hr Contact N^0	Số Fax Fax N^0 Địa chỉ email E-mail	Số điện thoại liên lạc 24/24 24 hr Contact N^0
Cấp độ An ninh Security Level		Cấp độ An ninh Security Level

Bên cảng (hoặc bên tàu) và bên tàu cùng nhau thỏa thuận về các trách nhiệm và những biện pháp an ninh dưới đây nhằm tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nội địa nước ngoài.

Hoạt động **Activity**	**Tàu** **The Ship**	**Cảng thủy nội địa** **Inland waterway Port**	**Tàu kia** **Others Ships**
Xác nhận An ninh và các trách nhiệm Confirm Security and Responsibilities			
Các khu vực hạn chế: được thiết lập và kiểm soát Restricted areas: Established and Controlled			
Các điểm tiếp cận: được giám sát và kiểm soát Seaward perimeter monitored			
Vành đai phía sông được giám sát Landside perimeter monitored			
Chiếu sáng thích hợp ban đêm cho vành đai phía sông, phía bờ và tàu Adequate lighting during the night for the ship, land & seaward perimeters			
Quá trình bốc xếp hàng hóa đã thống nhất Procedures for handling cargo agreed			
Quá trình bốc xếp đồ dự trữ của tàu đã thống nhất Procedures for handling ship stores agreed			
Kế hoạch ứng phó với: Response Plan for: Cháy Fire Tiếp cận với những người không được phép Access by unauthorised personnel Phát hiện những đồ vật khả nghi Suspicious article discovered			

Thông tin kiểm tra Communications Check Các tín hiệu ngầm được thỏa thuận Covert signal agreed Các báo động Alarms			
Nhận dạng và soi người Personnel identification and screening			
Danh sách khách được phê duyệt Visitors list approved			
Các quy trình áp dụng đối với các vị khách không mời Procedures in place for unexpected visitors			
Chữ ký và địa chỉ liên lạc chi tiết (Signatures and Contact Details)			
Tàu	**Cảng thủy nội địa**		**Tàu**
The ship	Inland waterway Port		The ship
Họ và tên Full Name	Họ và tên Full Name		Họ và tên Full Name
Chức danh Title	Chức danh Title		Chức danh Title
Chữ ký Signature	Chữ ký Signature		Chữ ký Signature
Ngày Date	Ngày Date		Ngày Date
Số điện thoại Tel No	Số điện thoại Tel No		Số điện thoại Tel No
Kênh liên lạc VTD Radio channel	Kênh liên lạc VTD Radio channel		Kênh liên lạc VTD Radio channel

Mẫu số 13

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../...	*...., ngày ... tháng ... năm ...*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Kính gửi: …….. (1)

Tên doanh nghiệp khai thác cảng: .....
Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh, số căn cước): .....
Địa chỉ trụ sở: …….
Số điện thoại:..... Số fax: .....
Tên cảng: .....
Vị trí: .....
Doanh nghiệp cảng chúng tôi đã hoàn thành việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo quy định tại .....
Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa gồm... trang, kể cả các Phụ lục.
Đề nghị Cảng vụ … thẩm định và phê duyệt./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG	**LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP**
(Ký ghi rõ họ tên)	*(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:
(1) Cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 14

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../...	*...., ngày ... tháng ... năm ...*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Kính gửi: ……. … (1)

Tên doanh nghiệp: .....

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh, số căn cước): ……. .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Số điện thoại:..... Số fax: .....

Tên cảng: .....

Vị trí: .....

Căn cứ .....

Doanh nghiệp cảng chúng tôi đã hoàn thành việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa và đã được Cảng vụ … thẩm định, phê duyệt. Trên cơ sở bản đánh giá an ninh, chúng tôi đã xây dựng hoàn thiện kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa theo quy định. Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa gồm …….. trang, kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cảng vụ … phê duyệt kế hoạch an ninh cấp Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG	**LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP**
(Ký ghi rõ họ tên)	*(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền

Mẫu số 15

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../...	*...., ngày ... tháng ... năm ...*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Kính gửi: ……. (1)

Tên doanh nghiệp: .....

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh, số căn cước): …….

.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Số điện thoại:..... Số fax: .....

Tên cảng: .....

Vị trí: .....

Căn cứ .....

Doanh nghiệp cảng chúng tôi trong năm qua đã tuân thủ thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt. Chúng tôi hoàn thành việc đánh giá lại an ninh cảng thủy nội địa có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng theo quy định. Bản đánh giá cảng thủy nội địa gồm.... trang, kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cảng vụ … xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài cho chúng tôi./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG	**LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP**
(Ký ghi rõ họ tên)	*(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền

Mẫu số 16

CƠ QUAN CẤP TRÊN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN **CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..../GCN-CV…	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ....*

GIẤY CHỨNG NHẬN

Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

(Lần ...)

Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa của Cảng ..... gồm..... trang, kể cả các phụ lục được gửi tới Cảng vụ ..... vào ngày.... tháng.... năm 20 .....

Sau khi nghiên cứu nội dung Bản đánh giá trên, kết hợp với kết quả thẩm định tại cảng, thấy rằng:

Nội dung	Phù hợp	Chưa phù hợp
Xác định các tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ	☐	☐
Xác định các mối đe dọa tiềm tàng đối với tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ.	☐	☐
Xác định khả năng bị tổn hại.	☐	☐
Xác định, lựa chọn các biện pháp cần áp dụng giảm khả năng tổn hại.	☐	☐

Các khuyến khích cụ thể đối với nội dung chưa phù hợp (nếu có):

.....

.....

.....

	...., ngày...tháng...năm...
CÁN BỘ THẨM ĐỊNH *(Họ tên và chữ ký)*	**PHÊ DUYỆT CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN** *(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 17

CƠ QUAN CẤP TRÊN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN **CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..../GCN-CV…	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ....*

GIẤY CHỨNG NHẬN

Phê duyệt kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

(Lần ...)

Bản kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa của Cảng ..... gồm.....trang, kể cả các phụ lục được gửi tới Cảng vụ …vào ngày...tháng ... năm...

Sau khi nghiên cứu nội dung Bản kế hoạch trên, kết hợp với kết quả thẩm định tại cảng, thấy rằng:

Nội dung	Phù hợp	Chưa phù hợp
Các biện pháp bảo đảm an ninh sẽ được thiết lập áp dụng tại cảng thủy nội địa ở cả 3 cấp độ đối với các tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ.	☐	☐
Quy trình thông báo, báo cáo các sự cố hoặc mối đe dọa an ninh giữa các cơ quan liên quan; quy trình ứng phó trước các mối đe dọa tiềm tàng đối với tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ.	☐	☐
Chương trình huấn luyện, thực tập và diễn tập an ninh sẽ được triển khai tại cảng	☐	☐

Các khuyến khích cụ thể đối với nội dung chưa phù hợp (nếu có):

.....

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH *(Họ tên và chữ ký)*	**PHÊ DUYỆT CỦA** **CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN** *(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 18

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI
STATEMENT OF COMPLIANCE SECURITY OF INLAND WATERWAY PORT FACILITY

Số giấy chứng nhận : .....
Statement Number

Cơ quan cấp:.....
Issue by: .....

CHỨNG NHẬN
CERTIFY THAT

Tên Cảng thủy nội địa: .....
Name of the Inland Waterway Port Facility
Địa chỉ của Cảng thủy nội địa: .....
Address of the Inland Waterway Port Facility
Đã tuân theo các quy định tại ..... và hoạt động phù hợp với Kế hoạch An ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt;
The compliance of aforementioned Port facility..... ....., and this port facility operates in accordance with the approved Inland Waterway Port Security Plan;
Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt phù hợp với hoạt động của loại tàu sau đây (gạch bỏ những loại không thích hợp):
The Security Plan has been approved for the following vessel operations, delete if appropriate:
(Liệt kê các loại tàu phù hợp)
(List the appropriate vessels)

Tàu khách *(Passenger ship)*
Tàu hàng rời *(Bulk carrier)*
Tàu dầu *(Oil tanker)*
Tàu hóa chất *(Chemical tanker)*
Tàu chở gas *(Gas carrier)*

Giấy chứng nhận phù hợp này có giá trị đến ngày ....tháng ... năm .... và hàng năm tùy thuộc vào việc kiểm tra (ghi ở mặt sau).
This Statement Certificate of compliance is valid until …….. and every year subject to the verification stated on the overleaf (recorded on the following pages)
Cấp tại...
Issued at: ...

Ngày cấp:.../.../...
Date of issue

Chữ ký của người có thẩm quyền
Signature of the duly Authorized Official
Đóng dấu
(Seal or Stamp of issuing Authority)

(Trang sau)

XÁC NHẬN HÀNG NĂM
ENDORSEMENT FOR VERIFICATIONS

CHỨNG NHẬN lần 1: Cảng thủy nội địa đã tuân thủ thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh cảng thủy nội địa.

1st VERIFICATION: THIS Inland Waterway Port facility was found to comply with the regulations to ensure security of Inland Waterway Port.

Chứng nhận này có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm...
This Certificate of compliance is valid until
(Chữ ký của người có thẩm quyền)
(Signature of duly Authorized Official)

CHỨNG NHẬN lần 2: Cảng thủy nội địa đã tuân thủ thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh cảng thủy nội địa.

2nd VERIFICATION: This Inland Waterway Port facility was found to comply with the regulations to ensure security of Inland Waterway Port.

Chứng nhận này có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm...
This Certificate of compliance is valid until.....
(Chữ ký của người có thẩm quyền)
(Signature of duly Authorized Official).

Mẫu số 19

DANH MỤC

Kiểm tra, giám sát an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

STT	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ	
I	**Tổng quát**		
1	Tên cảng thủy nội địa		
2	Địa chỉ cảng thủy nội địa		
3	Tên và địa chỉ của doanh nghiệp cảng thủy nội địa		
4	Loại tàu thuộc diện áp dụng quy định an ninh cảng thủy nội địa ghé vào cảng		
5	Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt vào ngày		
II	**Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm**		
1	Ban (bộ phận) an ninh cảng có được thành lập không?	☐ Có Quyết định thành lập kèm theo	☐ Không
2	Ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có họp định kỳ không?	☐ Có Biên bản họp kèm theo	☐ Không
3	Cán bộ an ninh cảng thủy nội địa có được chỉ định bằng văn bản không?	☐ Có Quyết định bổ nhiệm kèm theo	☐ Không
4	Cán bộ an ninh cảng thủy nội địa có tham gia các khóa huấn luyện cán bộ an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nội địa nước ngoài không ?	☐ Có Giấy chứng nhận huấn luyện kèm theo	☐ Không
5	Cán bộ an ninh, cảng thủy nội địa - Tên: - Địa chỉ: - Số điện thoại:		
6	Cán bộ an ninh cảng thủy nội địa - Tên: - Địa chỉ: - Số điện thoại:		
7	Cơ cấu và sức mạnh của lực lượng bảo vệ hiện thời có đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh không?	☐ Có	☐ Không
8	Tất cả các trạm gác (cố định và di động) đều có nội quy bảo vệ không?	☐ Có	☐ Không
9	Tất cả các nội quy bảo vệ có được cán bộ an ninh cảng thủy nội địa định kỳ rà soát không?	☐ Có chu kỳ:	☐ Không
10	Lực lượng bảo vệ của cảng có bao nhiêu người ?		
11	Ở ngoài phạm vi cảng, có bao nhiêu nhân viên bảo vệ có thể có mặt tại cảng sau: - Khi nhận được thông báo một giờ: - Khi nhận được thông báo hai giờ:		
12	Lực lượng bảo vệ ghi hoặc báo cáo sự có mặt của họ tại các điểm trọng yếu trong cảng bằng: - Đồng hồ gác xách tay: - Trạm đồng hồ gác chung: - Điện thoại: - Thiết bị liên lạc VTĐ hai chiều - Các loại khác	 ☐ Có ☐ Có ☐ Có ☐ Có ☐ Có Nêu cụ thể:	 ☐ Không ☐ Không ☐ Không ☐ Không ☐ Không

13	Thời gian đi tuần, tuyến đường đi tuần, trình tự các điểm có thường xuyên thay đổi để tránh việc tạo thành "lối mòn" không?	☐ Có	☐ Không
III	**Kiểm soát sự di chuyển của người và phương tiện**		
1	Có sử dụng hệ thống nhận diện bằng thẻ hoặc giấy thông hành nhằm xác định tất cả nhân viên trong khu vực hạn chế không?	☐ Có	☐ Không
2	Những người không thường xuyên phải tiếp cận các khu vực hạn chế hoặc không có các giấy thông hành hoặc thẻ nhân viên, thì có được coi là "khách" và được cấp thẻ hoặc giấy thông hành cho khách không?	☐ Có	☐ Không
3	a) Nhân viên gác tại các trạm gác có so sánh ảnh trên thẻ với người cầm thẻ cả khi vào lẫn khi ra không? b) Chỉ kiểm tra khi vào ? c) Chỉ kiểm tra khi ra?	☐ Có ☐ Có ☐ Có	☐ Không ☐ Không ☐ Không
4	Việc giám sát, nhận dạng người và hệ thống kiểm soát có thích hợp với mọi cấp độ an ninh không?	☐ Có	☐ Không
5	Các thẻ và số seri có được lưu trữ và kiểm soát bởi một quy trình về trách nhiệm giải trình khắt khe không?	☐ Có	☐ Không
6	Các thẻ bị mất có được thay thế bằng thẻ với số seri khác không?	☐ Có	☐ Không
7	Có quy trình về cung cấp các bảo đảm cho các thẻ tạm thời đối với những người quên mang thẻ không?	☐ Có	☐ Không
8	Các thẻ có được thiết kế có dấu hiệu khác nhau để bảo vệ hoặc những nhân viên khác có thể nhanh chóng nhận ra quyền và giới hạn cho người mang thẻ không?	☐ Có	☐ Không
9	Có quy trình đảm bảo những thẻ hết hạn hoặc khi kết thúc công việc hoặc nhiệm vụ được giao sẽ giao trả lại không?	☐ Có	☐ Không
10	Có thiết lập quy trình để hộ tống khách khi cần thiết không?	☐ Có	☐ Không
11	Khách có được hộ tống thích hợp trong khu vực hạn chế không?	☐ Có	☐ Không
12	Có duy trì ghi chép về các cuộc viếng thăm hay không?	☐ Có Ai làm:	☐ Không
13	Xe của những nhà thầu và sở hữu tư nhân được phép thường xuyên ra vào cảng có được đăng ký với nhân viên an ninh không?	☐ Có	☐ Không
14	Có kiểm tra ngẫu nhiên các phương tiện ra vào không?	☐ Có	☐ Không
IV	**Các cửa ra vào và hàng rào**		
1	Các phần có rào của các khu vực cảng có đáp ứng các yêu cầu tối thiểu đối với hàng rào an ninh không? - Nó có kết cấu bằng các dây xích? - Nó được làm bằng thép cỡ 9 ly hoặc lớn hơn? - Các mắt lưới cỡ nhỏ hơn 5 cm không? - Phía trên và dưới của hàng rào có dây thép gai không? - Dây thép gai ở trên hàng rào có đặt nghiêng ra phía ngoài 45° không? - Hàng rào có cao ít nhất 2,5 m (kể cả dây thép gai) hay không?	☐ Có ☐ Có ☐ Có ☐ Có ☐ Có ☐ Có ☐ Có	☐ Không ☐ Không ☐ Không ☐ Không ☐ Không ☐ Không ☐ Không

2	Lực lượng bảo vệ cảng có tiến hành kiểm tra các hàng rào an ninh, kể cả khu vực trống, ít nhất một lần một tháng không? Các khiếm khuyết có được ghi nhận và sửa chữa ngay không? Nếu sử dụng tường xây thì có đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu đối với hàng rào an ninh không?	☐ Có ☐ Có ☐ Có	☐ Không ☐ Không ☐ Không
3	Tất cả các cửa ra vào có được bảo vệ thích hợp không?	☐ Có	☐ Không
4	Nếu sử dụng các tòa nhà làm một phần của hàng rào an ninh, thì nó có các yếu tố nguy hiểm tiềm ẩn tại các điểm tiếp nối với các phần khác của hàng rào an ninh không?	☐ Có	☐ Không
5	Nếu hàng rào an ninh có một phần là nước thì có áp dụng các biện pháp an ninh bổ sung tại các khu vực này hay không?	☐ Có	☐ Không
6	Các vị trí như ống cống, đường hầm, miệng cống thoát nước thải và các thang vỉa hè có thể tiếp cận cảng và các khu vực hạn chế có được bảo vệ thích hợp hay không?	☐ Có	☐ Không
7	Tất cả các cổng ở hàng rào trên hàng rào an ninh có được bảo vệ và gác không?	☐ Có	☐ Không
8	Các cổng và/hoặc các cửa ra vào trên hàng rào an ninh có lớn hơn số lượng yêu cầu cho sự an toàn cũng như khai thác có hiệu quả không?	☐ Có	☐ Không
9	Các cổng trên hàng rào an ninh có được trang bị các thiết bị khóa bảo vệ hay không? Chúng có được khóa lại khi không sử dụng không?	☐ Có ☐ Có	☐ Không ☐ Không
10	Các khu vực trống có được thiết lập cả ở phía trong và phía ngoài của hàng rào khu vực hạn chế không? Nếu không đáp ứng được các yêu cầu về khu vực trống, có các biện pháp an ninh bổ sung không?	☐ Có ☐ Có Nêu chi tiết	☐ Không ☐ Không
11	Có khu vực nào trên hàng rào an ninh sử dụng hệ thống phát hiện xâm nhập không?	☐ Có	☐ Không
V	**Chiếu sáng**		
1	Các khu vực xung quanh cảng và hàng rào khu vực hạn chế có được chiếu sáng thích hợp không?	☐ Có	☐ Không
2	Hệ thống chiếu sáng có đáp ứng được các yêu cầu cường độ sáng thích hợp không?	☐ Có	☐ Không
3	Chiếu sáng xung quanh hàng rào có được sử dụng sao cho lực lượng an ninh tuần tra đứng trong bóng tối không?	☐ Có	☐ Không
4	Các đèn được định kỳ kiểm tra vận hành hợp lý trước khi trời tối không?	☐ Có Chu kỳ:	☐ Không
5	Việc sửa chữa hoặc thay thế các đèn không hoạt động được tiến hành ngay lập tức không?	☐ Có	☐ Không
6	Chiếu sáng bổ sung có được đặt tại các cổng hoặc nơi có khả năng xâm nhập không?	☐ Có	☐ Không
7	Các chòi gác có được chiếu sáng thích hợp không?	☐ Có	☐ Không
8	Có nguồn điện độc lập cho hệ thống chiếu sáng hay không?	☐ Có	☐ Không
9	Có nguồn điện dự phòng cho hệ thống chiếu sáng hay không?	☐ Có	☐ Không
10	Nguồn điện cho Hệ thống chiếu sáng có được bảo vệ thích hợp không?	☐ Có	☐ Không
11	Có hệ thống chiếu sáng sự cố hoặc dự phòng không? Nếu có, thì có được kiểm tra hàng tháng hay không? Nếu có, thì nguồn dự phòng có được chuyển ngay sang khi cần thiết không?	☐ Có ☐ Có	☐ Không ☐ Không ☐ Không

	Nếu có thì nguồn dự phòng có thể tự khởi động được hay không?	☐ Có ☐ Có	☐ Không
12	Nguồn điện chiếu sáng chính/dự phòng/sự cố có được đặt trong khu vực hạn chế không?	☐ Có	☐ Không
13	Có sử dụng hệ thống dây kép không?	☐ Có	☐ Không
14	Có sử dụng hệ thống đa dây không? Nếu có, có bố trí các công tắc chuyển mạch không?	☐ Có ☐ Có	☐ Không ☐ Không
15	Các công tắc và bộ điều khiển được kiểm soát và bảo vệ thích hợp không? Chúng có thể chịu được gió, mưa... và chống xáo trộn không? Nhân viên an ninh có thể tiếp cận không? Chúng có được đặt tại những nơi mà người ở phía ngoài hàng rào không thể tiếp cận được không? Có một công tắc trung tâm điều khiển chiếu sáng bảo vệ không?	☐ Có ☐ Có ☐ Có ☐ Có ☐ Có	☐ Không ☐ Không ☐ Không ☐ Không ☐ Không
16	Hệ thống chiếu sáng có được thiết kế và các vị trí được ghi chép lại sao cho nó có thể tiến hành sửa chữa một cách nhanh nhất trong trường hợp khẩn cấp?	☐ Có	☐ Không
17	Các thiết bị và vật liệu trong các khu vực chứa hàng và vận tải được chiếu sáng thích hợp không?	☐ Có	☐ Không
18	Nếu hàng rào có một phần là nước thì có được chiếu sáng thích hợp không	☐ Có	☐ Không
VI	**Các khuyến nghị bổ sung, sửa đổi Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài**		
	.....		

....., ngày...tháng...năm...

TRƯỞNG BAN (BỘ PHẬN)
AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA
TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI
(Ký tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)